

## BÀN VỀ DÒNG HỌ NGƯỜI VIỆT

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

Theo phương pháp dân tộc học so sánh, ta thấy rất có thể ban đầu, giống như một số cư dân Môn-Khmer ngành Banaic, Kotuic, người Việt Nam không có thuật ngữ chỉ họ. Có chăng từ thờ xa xưa chỉ có bổ ngữ từ mà ta thường gọi là chữ đệm(1) để phân biệt nam hay nữ văn và thị, cũng như người Xơ Đăng, Bru - Vân Kiều có thuật ngữ A để chỉ nam, Y để chỉ nữ; hay ngược lại như người Ê-đê, lại có thuật ngữ Y để chỉ nam và H' để chỉ nữ (chú ý người Ê-đê có thuật ngữ để chỉ họ). Thậm chí người Ba-na lại cũng không có cả thuật ngữ để phân biệt nam nữ. Trong một buôn, tên các thành viên không được trùng lặp, chỉ nhằm mục đích duy nhất là để phân biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác. Người Mường cũng rất đáng hồ nghi là xưa cũng như trên, vì trong một mường chỉ có thuật ngữ chỉ dòng họ theo giai tầng xã hội: quý tộc hay dân thường chứ không để chỉ một cộng đồng huyết thống hay ngoại hôn. Các dòng quý tộc từng mường mang một trong các họ Đinh, Quách, Bạch hay Hà. Toàn thể dân chúng thì đều là họ Bùi. Vậy nên, rất có thể trong trường hợp người Việt, qua ngàn năm Bắc thuộc, do ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa, thuật ngữ chỉ các họ ở người Việt mới ra đời. Điều đó còn thấy chứng cứ ở các tên còn sót lại trong các huyền thoại hay các truyền thuyết, thậm chí ngay ở các sử liệu được chép thành văn thời cổ xưa không thấy có tên họ, mà chỉ có tên chỉ người. Tất nhiên vấn đề này cũng còn cần phải bàn thêm để làm sáng tỏ.

Vậy họ là gì? Theo Nguyễn Kim Thản, sau được Lê Trung Hoa(2) đồng ý, từ họ là từ cùng gốc với từ Hán là hộ (戶), mà đã thực sự được dùng dần từ khi nhà Triệu lập chế độ "hộ tịch". Theo tôi điều này cần xem lại, vì nếu chỉ dựa vào luật đối ứng giữa từ Hán cổ và từ Việt thì khó tin cậy. Chế độ "hộ tịch" mà tác giả dẫn Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt sử ký toàn thư, cho từ đời nhà Triệu đã lập, chắc không kiểm kê hộ mà là nhà, là nóc, cho dù là đại gia đình lớn, bốn năm thế hệ chung sống. Tôi thiên về ý của Phan Văn Các(3), hay đúng hơn là của ngữ nghĩa Trung Hoa, họ là tính (姓) hay thị (氏). Tính là chữ thông dụng hiện nay(4). Tên họ của người Việt đại đa số là giống tên họ của người Hán, có một số rất ít tự đặt hay ảnh hưởng của các tộc ở xung quanh thuộc ngôn ngữ Tày - Thái và Malayô-Pôlinêdiêng... Ở đây tác giả chỉ khuôn vào việc nghiên cứu dòng họ liên quan đến vấn đề xác định những cộng đồng ngoại hôn tức là những thành viên của cộng đồng còn được quan niệm là cùng một quan hệ huyết thống và không được lấy nhau.

Ở người Việt, quan niệm họ và ba họ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Họ có thể hiểu theo ba nghĩa:

1. Là những người cùng mang một tên họ, mà không chắc gì hay có một chứng cứ gì có chung một nguồn gốc cho dù là rất xa xưa. Sự trùng lặp tên họ có rất nhiều nguyên nhân, biến động rất phức tạp. Đó là do sự thay đổi tên họ diễn ra bởi những nguyên nhân chính trị, xã hội phức tạp: vua ban cho lấy họ vua, tránh nạn lớn sợ bị chu di tam tộc có tội với Nhà nước, kiêng

hủy nhà vua phải đổi họ, gán đây đi làm cách mạng đổi họ, v.v... cũng như vì nguyên nhân xã hội - gia đình: vì ái mộ, vì làm con nuôi, vì ở rể đời, con đẻ ra phải theo họ vợ để có người nối dõi, vì bán khoán hoặc cho cửa Phật, cho Đền Thánh, cho một gia đình phúc hậu tránh đứa bé đau ốm, v.v... Trong những trường hợp trên, việc đổi họ có khi là vĩnh viễn, có khi là tạm thời. Họ ở đây không chỉ liên quan đến quan hệ huyết thống, thậm chí cả nguồn gốc. Số lượng thuật ngữ chỉ họ người Việt thật chưa chính xác vì chưa một tác giả nào nghiên cứu đến nơi trên phạm vi toàn quốc. Rất tiếc, qua hai kỳ Tổng điều tra dân số hay qua việc khai hộ khẩu, cấp chứng minh thư..., ngành khoa học thiếu sự kết hợp, nên cũng chưa khai thác để có được một con số tương đối chính xác. Cuốn sách của Lê Trung Hoa liệt kê một số tên họ, thiếu tính khoa học nên không giúp ích gì hơn. Số lượng họ có thể lên đến trên 400, nếu tính cả dòng họ đơn hay kép(5), trong đó có một số họ đông người, nhiều chi, tập trung ở từng khu vực. Suy đến cùng, họ theo nghĩa này khó có thể coi như một *lignage*, *lignée* hay *clan*, lại càng không phải là *famille*. Ở đây không thấy hay chưa thấy có một sự tương ứng về nghĩa. Người Trung Hoa gọi là *tính phi tông* (姓非宗).

2. Là những thành viên mang cùng tên họ, được biết chắc chắn là có cùng một nguồn gốc từ một thủy tổ chung. Cộng đồng này có thể tương ứng với một *lignée*, *lignage*, nhưng không phải là một *clan*, càng không phải là *famille*, như một số tác giả tây phương thường dịch. Đó là những cộng đồng một số được xác nhận qua truyền thuyết hoang đường về quê tổ hoặc hầu hết được lưu trong các tộc phả, các gia phả, được truyền lại để con cháu biết người sáng lập họ là ai, mộ tổ cụ thể ở đâu, quê quán chỗ nào, ngày giỗ bao giờ, thậm chí trong họ có "hèm" gì, hoặc cũng có thể chỉ truyền lại qua các truyện kể, các truyền thuyết có tính lịch sử. Người Hán gọi là *tính tông* (姓宗).

Những họ lớn, có danh giá, xưa đỗ đạt làm quan, có công với nước, làm về vang làng xóm, mới thường ghi lại tộc phả, gia phả, mới giữ lại được các sắc phong, v.v... Những họ thường dân thường ít ghi lại. Một thực tế ở nước ta do chế độ thi cử khá dân chủ, ai cũng có quyền đi thi, (trừ một vài nghề xuất thân, nhưng cũng không hẳn nghiệt ngã); nên trong làng, ngoài nước, cho dù xưa là hạng bần dân, tổ tiên cũng có người một thời làm nên. Lại thêm, dân ta chuộng nghĩ đến gốc nguồn, nên hay chú ý, do đấy xưa có nhà không có gia phả, không biết gốc tích rõ ràng, nhưng vẫn nhớ dòng họ đã có lúc sáng danh. Nếu có dịp, họ tìm lại những thế hệ tổ tiên, biết được sự nghiệp những người thân thuộc đã quá cố, nhưng đành lạng thình vì mối quan hệ đẳng cấp khi xưa cũng còn nặng nề. Tuy nhiên, họ vẫn hiểu và vì danh dự tổ tiên, họ quyết tâm noi chí, tìm cách làm nên, hay nếu chưa đạt được, thì cũng có lúc ngấm lại, viếng thăm phần mộ ông cha để tự an ủi hay cầu xin cho con cháu được thành đạt, cho dù đời mình phải cam chịu sự bất hiểu.

Sau 1975, một phong trào tìm về nguồn qua việc tìm lại tộc phả hay gia phả, do so sánh những tên của những người có công với nước với nhà, nhiều người đã tìm lại và thấy là người cùng một tổ tiên, cùng một quê tổ. Có những cuốn tộc phả, gia phả được in lại, được bổ sung thêm cho đến thế hệ ngày hôm nay. Thí dụ như, việc họ Đặng nguyên gốc là từ họ Trần, đã tập hợp được gần một trăm chi nay toả ra ở khắp nơi từ nam chí bắc, mộ tổ ở Chương Mỹ nay thuộc Hà Tây; họ Trịnh ở làng Cự Đà ngoại thành Hà Nội gần Hà Đông với ông tổ là Trịnh Khả, danh tướng của Lê Lợi; họ Phan ở Hà Tĩnh, v.v...

Họ của người Việt phân thành ngành dân thành hai họ riêng biệt do khó đoán định nguồn gốc. Ví như họ Đặng có ngành họ Đặng từ họ Trần chuyển sang, trong tộc phả đều có ghi Đặng vi Trần(6), khác với họ Đặng không rõ hay không từ họ Trần chuyển sang, họ Ngô Thì và Ngô Vi ở Thanh Oai, họ Phan Huy, Phan Trọng ở Quốc Oai (theo Nguyễn Kim Thản).

Đặc điểm của các họ ở Việt Nam là chỉ phân biệt họ lớn, họ bé; hay xưa chỉ phân biệt họ vua, họ dân. Như dòng Nguyễn Gia Long, đàn ông thuộc "đế hệ" tùy theo thế hệ dùng một trong những tiếng sau đây do Minh Mạng ban hành vào năm 1823 đặt làm tiếng thứ nhất:

MIÊN HỒNG UNG BỬU VĨNH

BẢO QUÝ ĐỊNH LONG TRƯỜNG

HIỀN NĂNG KHAM KẾ THUẬT

THẾ THUY QUỐC GIA KHƯƠNG (XƯƠNG!)

Tiếc rằng vị vua cuối cùng chỉ đến chữ Báo. Vậy nên mới có tục lệ ban cho đổi họ dân làm họ vua đối với những cận thần có công to với nước có từ đời nhà Lý và ngược lại. ở đây cũng lưu ý đến một chi tiết có liên quan về việc thờ cúng tổ tiên là phụ nữ sau khi lấy chồng, vẫn giữ họ của mình. Đó là điều khá độc đáo vì ở nhiều nước khác, thường gái đi lấy chồng phải đổi họ theo nhà chồng, cho dù theo tôn giáo nào; mà ít được ghi tên trong tộc phả hay gia phả. Điều này, biểu hiện vai trò của phụ nữ Việt khá cao trong gia đình phụ quyền, không chỉ trong lĩnh vực tôn giáo, mà đó chính lại phản ánh vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội, trong hoạt động sản xuất (nông, thủ công và cả thương nghiệp), khi đất nước thường xuyên lâm trận mạc (đảm bảo hậu phương tiếp tế cho tiền tuyến, khi cần kê vai sát cánh cùng nam giới đánh giặc). Vất vả nhất phụ nữ phải gánh vác việc gia đình, phát triển nòi giống, bảo vệ danh dự dòng họ, nuôi con cái.

3. Là những người thuộc một *tông tộc* (patrimoine) tức là cùng thuộc về một ông tổ 5 đời gọi nôm na là *chi họ*. Thật ra ta thường gọi là cửu tộc vì nếu xét từ *ego* tức là thế hệ *tôi* thời ta thấy phía trên: *thế hệ + I*: cha mẹ (phụ mẫu); *thế hệ +II*: ông bà (tổ phụ mẫu) *thế hệ +III*: cụ ông, cụ bà (tằng phụ mẫu); *thế hệ +IV*: kỵ ông, kỵ bà (cao tổ phụ mẫu); còn trên nữa gọi chung là cao cao tổ đến thủy tổ. Phía dưới ta có: *thế hệ - I*: con (tử); *thế hệ - II*: cháu (tôn); *thế hệ - III*: chắt (tằng tôn); *thế hệ - IV*: chít (huyền tôn), còn xa nữa gọi là viễn tôn.

Trong một gia phả, cho dù là của một dòng họ lớn, thường ta thấy ghi danh sách từ người đầu tiên khai sinh ra dòng họ, tiếp đó là danh sách những vị cao cao tổ. Trong phần này, nếu có tư liệu, thường gia phả của tông tộc chỉ ghi những sự kiện liên quan đến vị thủy tổ cho dù chỉ là một dân thường không có công tích lớn với nước, rồi đến các vị có công với triều đình, với làng xã, với dòng họ. Phân thứ hai khi bắt vào thế hệ +IV tức là vị cao tổ (kỵ) thời mới ghi kỹ vì coi đó là những thành viên trong họ theo nghĩa hẹp thường được tính đến trong hệ thống cửu tộc, tính đến huyền tôn (*chít*). Những thành viên trong một chi thường được gọi nôm na là người cùng một họ hay *họ nội*.

Nói đến cùng, các thành viên khi còn biết cùng một họ cho dù đã vượt ra khỏi phạm vi tông tộc (thực tế là 5 đời) không theo trực hệ, mà theo bàng hệ, thời cũng ít dám l ấ y nhau (7). Chỉ những người trong vòng năm đời, theo lệ tục xưa khi mất phải để tang, thì mới thuộc cộng đồng ngoại hôn, tức là không được lập quan hệ với nhau và nếu vi phạm là mắc tội loạn luân.

Tại sao lại nói chỉ là năm đời chứ không phải chín đời (cửu tộc). Đúng là nếu tính theo các thuật ngữ tên gọi, ta có từ ego trở lên là 4 đời; từ ego trở xuống cũng là 4 đời. Đời đây được hiểu là 4 thế hệ. Nhưng trên thực tế, ta thường thấy một chi hay một tông tộc thường chỉ tính theo trục hệ đến đời thứ năm; từ đời thứ sáu các nhánh bàng hệ thường tách ra một chi riêng. Thành viên thuộc mỗi chi riêng tuy vẫn hiểu biết có những thành viên các chi khác, còn ở trong làng hay cư trú ở làng khác; thời việc cúng bái, giỗ tết đối với người đã khuất hay việc tương trợ, giúp đỡ đối với người còn sống thường cũng hạn chế trong phạm vi tông tộc.

Các chi còn biết chung là thuộc về một thủy tổ, thường tùy theo quy định tổ chức những buổi tế thờ ở nhà thờ tổ hay thường gọi là từ đường; hoặc nếu đường xa, cách trở thì cũng đến ngày đó mà thờ vọng. Nếu các họ không có từ đường, thì có lăng miếu, ở đó tương truyền là nơi đặt mộ tổ, hoặc vì chiến tranh loạn lạc, thì xây dựng một lăng, dựng một tấm bia, ghi công tích vị thủy tổ, các vị tiếp nối có công. Chi trưởng là người chủ trì từ đường đời đời giữ hương hỏa, trừ khi tuyệt tự thì truyền sang chi thứ. Thực tế cho thấy sự thay đổi ngôi thứ cũng có khi còn do sự hưng thịnh của từng chi trưởng thứ buổi ban đầu về sau rất khó đoán định, bởi lẽ ngay trong gia phả cũng có đổi thay. Vậy nên một họ khi đã cư trú cách biệt khó đoán định được ai là thủy tổ, nếu như gia phả không ghi hoặc ghi không chính xác, nên thường coi thủy tổ tại chỗ làm đối tượng thờ cúng(8).

Ngoài từ đường thờ thủy tổ dòng họ nói chung, các chi thường lập nhà thờ họ riêng, có khi đặt ở nhà trưởng nam. Ở đây ta thường thấy thờ các vị tổ tiên bốn đời nếu tính từ ego, nghĩa là thờ cao, tăng, tổ, khảo. Thường ego là người đứng tuổi nên trên thực tế lại còn các thế hệ dưới ego, là con, cháu, chất, hiếm khi có chút. Cũng cần lưu ý, nếu ở những họ có nghề truyền thống thường có ban thờ tổ sư, cho dù tổ sư không phải cùng dòng họ; đồng thời có thờ những bà cô(9), ông mãnh... hay những thành viên đã khuất tuyệt tự không nơi cúng bái. Một khi ego khuất núi, thế hệ - 1 ego thay thế làm trưởng họ, thời trên ban thờ họ, nhắc thân chủ cao tổ đi, đưa các vị tăng, tổ, khảo lên một bậc, và đưa ego lên thế vào chỗ thân chủ ông khảo lên. Các chi thứ ngang hàng với - 1 ego lập nhà thờ chi họ mình do đã không còn là tứ đại đồng đường cùng với - 1 ego ngành trưởng.

4 - Cùng thuộc vào cộng đồng ngoại hôn, ngoài những thành viên cùng một dòng họ, thường gọi là họ nội, còn có họ ngoại(10) và họ vợ. Do đấy có khái niệm *ba họ*.

Quan niệm *ba họ* khác nhau giữa các tộc người chủ yếu do quan niệm ego khác nhau, tùy thuộc vào hệ thống thân tộc. Ở các cư dân theo nguyên tắc hôn nhân lưỡng hợp, quan niệm *ba họ* chưa thấy. Hai họ hay đúng hơn là hai thị tộc hay hai nhóm hôn nhân thường thích lấy đối cho nhau tức là theo nguyên tắc hôn nhân ngược chiều (xem sơ đồ I):  $\Delta$  tức Nam của A lấy O tức Nữ của B thì  $\Delta$  của B lại lấy O của A. Tất nhiên Nam của A cũng có thể lấy O của C, D, và ngược lại. Điều này một số tác giả cũng còn nhận thấy ở các thổ dân châu Úc, nơi được coi là các thị tộc còn được tổ chức chặt chẽ nhất và ở giai đoạn phát triển thấp nhất.

#### Sơ đồ I

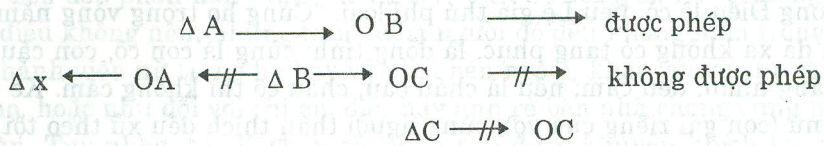
$\Delta A \longrightarrow O B$

$\Delta A \longleftarrow O B$

Hôn nhân ngược chiều

Quan niệm *ba họ* chỉ nảy sinh ra rõ rệt như ở xã hội Thái Tây Bắc, ở đây việc lấy đổi giữa hai nhóm hôn nhân hay gọi nôm na là hai họ hay hai tông tộc bị ngăn cấm. Nguyên tắc hôn nhân là theo *chế độ thuận chiều*. Người Thái quan niệm một người trong anh em ruột đã làm rể một nhà nào, thì nhà đó được coi là thuộc họ ngoại (*lúng ta*) với tất cả thành viên của dòng họ hay đúng hơn là với tất cả thành viên trai trong dòng họ (*ải noọng*); nên không thể nào con trai của *lúng ta* lại có thể lấy con gái của *ải noọng*. Nếu làm như vậy, tục lệ cho rằng "*tạo hua ngò hua khoai*" tức là khi cưới đã nạp trâu bò cho bên vợ, chả lẽ bên vợ lại trả lại đầu bò đầu trâu cho mình. Tục này không những cấm với thế hệ ego mà còn đến hai thế hệ tiếp sau - I và - II và chỉ thu gọn trong một đại gia đình 3 thế hệ mà thôi. Những con gái của dòng họ *ải noọng* không được lấy thành viên trai của dòng họ đã là *lúng ta* của các *ải noọng* cùng họ với mình và khi đi lấy chồng phải đổi họ. Ta có một sơ đồ sau đây:

Sơ đồ II



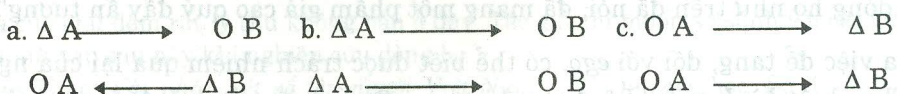
Hôn nhân thuận chiều

Vậy một người Thái có 3 quan hệ dòng họ.

1. *Ải noọng* bao gồm những thành viên trai của một họ, một gia đình. Họ là gốc của một dòng họ, được xem là thân thiết nhất. Có *ải noọng huôm pú* tức anh em cùng bố: anh em ruột; *ải noọng huôm pú huôm pấu*: anh em cùng một tổ tiên tức anh em họ xa gần.
2. *Lúng ta* bao gồm những thành viên trai của những dòng họ mà *ải noọng* có quyền thiết lập hôn nhân với một thành viên gái trong họ đó.
3. *Nhính xao* bao gồm những chàng rể của những dòng họ mà thành viên gái (nhính xao) của những *ải noọng* tức dòng họ của mình đi làm dâu.

Như vậy ta thấy ego ở đây chỉ cá nhân trai, nhưng cá nhân đó lại là đại diện cho cả một nhóm gọi là *ải noọng* được coi là gốc của một tông tộc. Ở những tộc người thực hiện chế độ hôn nhân thuận chiều này, vị trí của ông cậu rất lớn, mặc dầu trong xã hội đã theo dòng phụ hệ. Quan niệm *ba họ* ở đây khác hẳn quan hệ *ba họ* ở người Việt, khi ego đã chỉ đại diện cho riêng chính bản thân một người con trai, khi các thành viên trai trong họ gần không bị ràng buộc vào quan hệ hôn nhân của một trong những thành viên trai hay gái của tông tộc mình. ở đây ta thấy có *hiện tượng lấy ngược hay xuôi*, tức con trai của A lấy con gái của B và ngược lại, hay hai con trai của A lấy hai con gái của B và ngược lại.

Ta có sơ đồ III



Cũng cần nói thêm không có sự lẫn lộn giữa họ vợ và họ mẹ tuy trên thực tế ta vẫn thường gọi chung là họ ngoại. Thực ra tục lệ gọi họ vợ là họ ngoại là do người Việt thường có quan niệm gọi theo con(11).

Cũng như các tộc người theo dòng phụ hệ, họ nội là họ gốc "Con người có cố, có ông. Như cây có cội, như sông có nguồn". ở người Việt, các thành viên gái dù còn ở với gia đình hay đi lấy chồng đều vẫn giữ họ của mình. Không có tục đổi theo họ chồng như ở một số tộc người ngay ở châu Âu hay các nước khác. Nhưng dâu sao nữa, thành viên trai vẫn là cơ sở của dòng họ. Ta thấy trách nhiệm của tông tộc hay gia đình với thành viên gái rõ ràng hơn kể cả lúc còn sống khi ở nhà cũng như khi đã xuất giá; cũng như khi lúc đã khuất núi. Vậy nên trên bàn thờ của một tông tộc (thường gọi là chi) mới có bát hương cúng những bà cô hay những phụ nữ goá chồng mà không có con trai.

Vậy những thành viên nào thuộc dòng họ nội, họ vợ, họ mẹ được coi là nằm trong phạm vi ba họ. Điều đó được quy định rõ ràng trong việc xử phạt theo tội gian dâm. Theo Thiên nam dư hạ tập, chương Điều lệ có điều Lệ giá thú phi loại: "Cùng họ trong vòng năm bậc tang phục, và cùng họ mà đã xa không có tang phục, là đồng tính; cùng là con cô, con cậu, đời con dì, cao thấp không ngang nhau, đều cấm; nếu là cháu cậu, cháu cô thì không cấm. Kể vô lại lấy cô, dì, chị em gái, kể nữ (con gái riêng của vợ), cùng người thân thích đều xử theo tội gian dâm". Tục lệ để tang được quy định rất rõ ràng không chỉ ở luật, lệ, mà qua tập quán, qua truyền khẩu khá thống nhất.

Tại sao lại quan hệ đến việc để tang?(12) Đó là một điều đặc trưng của người Việt nói riêng, của vùng Viễn Đông của các cư dân theo đạo Khổng và còn giữ đạo tổ tiên một cách bền vững nói chung. Trong một cộng đồng ngoại hôn nói chung hay một tông tộc nói riêng, các thành viên dù xa hay gần đều tính cả người sống lẫn người đã khuất. Về phương tiện đạo đức mà nói, việc trọng ngày giỗ mà không chú ý đến ngày sinh (trừ trường hợp lễ thượng thọ) là việc tỏ lòng biết ơn những người có công sinh dưỡng, gây dựng nên sự nghiệp cho nhà-làng nước đến ngày nay để con cháu tiếp nối công việc đó và chuyển giao cho thế hệ sau. Đứng về phương diện tôn giáo, điều đó biểu hiện một thực tế là người đã khuất vẫn ở bên cạnh người đang sống, đương che chở, an ủi, có khi quả mắng con cháu như khi còn sống. Do đấy đạo thờ tổ tiên mới tồn tại và khó có thể xoá bỏ nó. L. Cadière và những tác giả khác cũng có nhận xét tương tự: "Họ theo nghĩa rộng mang tính tôn giáo là chủ yếu, vì bao gồm cả những thành viên điều linh... Ở người An Nam (tức người Việt, Đ.N.V) đến những nông dân nghèo nhất, những người cu li khốn khổ nhất cũng nói như vậy. Lại thêm, họ quan niệm tổ tiên họ như những người đã thoát khỏi trần thế, và có ý thức là một ngày nào đó, sau khi mất, họ cũng lại được con cháu coi họ có những quyền lực siêu nhiên. Dòng họ được coi như một cái đền lớn. Những thành viên còn sống đương ở gian ngoài, phía trong cổng vào cửa. Người này tiếp theo người khác lần lượt sẽ bước qua cái ngưỡng cửa đáng sợ tức là bước qua cửa tử vào trong bộ phận khác của đền, nơi chính điện. Nhưng người sống cũng như người chết vẫn ở chung dưới một mái nhà. Những mối liên hệ đã thắt chặt họ trong cuộc sống không được cởi ra bởi cái chết; ngược lại, được thừa nhận bằng tôn giáo, lại trở nên mạnh mẽ hơn và vĩnh viễn tồn tại nhờ Đạo thờ tổ tiên. Phải thú nhận rằng dòng họ như trên đã nói, đã mang một phẩm giá cao quý đầy ấn tượng"(13).

Qua việc để tang, đối với *ego*, có thể biết được trách nhiệm qua lại của người đó với *ego* đến đâu. Theo luật hình triều Lê được ghi trong *Quốc triều hình luật* hay có thời kỳ gọi theo

cách giản lược là luật Hồng Đức, tang chế được phân làm 5 hạng như sau(14): Trảm thối, Tu thối, Đại công, Tiểu công và Ty ma, qua đó ta thấy quan hệ thân sơ, trực thuộc hay bàng hệ...; đồng thời ta có thể thấy rõ những ai là thuộc thành viên trong *ba họ* tức là những người nằm trong cộng đồng ngoại hôn. Tất nhiên, việc để tang ngày nay đã thay đổi nhiều, việc quy định như ở bộ luật trên cũng có chỗ cần bàn, nhưng đó vẫn là cơ sở cơ bản nhất để định được quan hệ của những thành viên trong *ba họ* đối với *ego*.

Nếu phân tích ta thấy, trong họ nội, anh em xa gần năm đời hay nữa nếu còn biết nhau thì không lấy được nhau. Đối với *ego*, ta có thấy những người theo trực hệ bên ngoại hay bên vợ có quan hệ họ hàng càng gần thì không lấy được nhau. Sự xa gần tùy thuộc vào trực hệ hay bàng hệ. Những thành viên ngoài *ba họ* nhưng có quan hệ với *ba họ* thời thiên về nam hơn nữ. Nhiều thành viên nữ có quan hệ hôn nhân với thành viên nam trong *ba họ*, dù thuộc họ khác có nhiều trường hợp theo luật tục vẫn nằm trong quan hệ cộng đồng ngoại hôn hơn các thành viên nam có quan hệ hôn nhân với thành viên nữ trong *ba họ*. ở đây ta thấy nhiều tác giả(15) cũng như trong thực tiễn đều phản nản rằng "chồng cô, vợ cậu, chồng dì, trong *ba người* ấy, chết thì không tang" là điều không nên; nhưng thực tế *ba người* đó đều không nằm trong phạm vi *ba họ* liên quan đến thành viên nữ trong họ hay về phía bên ngoại, khác với vợ chú là thím cho dù là thím ruột hay họ, hoặc như đối với chị em dâu hay anh rể bên nhà chồng cũng như bên nhà vợ, xa cũng như gần. Tuy nhiên tục lệ cháu cô, cháu cậu được khuyến khích lấy nhau lại cố kết cộng đồng *ba họ* của nhiều cặp hôn nhân trong những hệ thống *ba họ* với nhau, tạo nên một màng lưới quan hệ hôn nhân trong một số dòng họ. Tục lệ đó được thể hiện trong câu: "Cháu cậu mà lấy cháu cô; thóc lúa đây bồ giống má nhà ta"(16). Nhưng nếu lại phản nản "Vua chúa cấm đoán làm chi, dè dôi con dì chẳng lấy được nhau", thì lại chẳng nên, bởi lẽ con của hai chị em gái thì còn quá gần về máu mủ tuy không còn nằm trong phạm vi *ba họ*, cũng giống như trường hợp con cô, con cậu. Xưa kia, nếu xem xét quan hệ hôn nhân giữa các dòng họ có tiếng tăm trong một vùng, lại do quan niệm môn đăng hộ đối các dòng họ "quan" tạo nên một thế lực khống chế một vùng nhằm nương tựa vào nhau, cạnh tranh với các thế lực khác trên chính trường. Nên vậy mới có câu "Lấy vợ xem tông, lấy chồng theo giống". Lấy thí dụ qua tộc phả nhiều dòng họ Nguyễn khác nhau, dòng họ Bùi, dòng họ Nghiêm, dòng họ Dương ở vùng các huyện ứng Hoà, Thanh Oai thuộc Hà Đông cũ, thời ta thấy có nhiều cá nhân do quan hệ hôn nhân chằng chéo và nhất là qua tục cháu cô cháu cậu được lấy nhau nên có họ hai bề. Các dòng đó tạo nên một vây cánh đáng kể được toả lan sang cả vùng Sơn Tây với dòng họ Nguyễn Khắc, qua Hưng Yên với dòng họ Đặng, dòng họ Lê, về gần Hà Nội với dòng họ Trịnh, dòng họ Ngô...

Do đấy ta thấy khi xét về quan niệm họ hàng, *ba họ* chiếm một vị trí quan trọng trong xã hội không chỉ ở thế lực trần tục, mà là bắt nguồn sâu sắc ở nguồn gốc tôn giáo ở đấy nổi lên là đạo tổ tiên do tính chất dòng họ bao gồm cả người đã khuất, người đương sống và cũng có thể nói cả hai loại người này tác động đến cả lớp người sắp gia nhập dòng họ.

## CHÚ THÍCH

- (1) Sự biến hoá của chữ đệm rất lý thú không bàn ở đây. Tác giả chỉ muốn so sánh với các cư dân gần gũi để thấy sự phức tạp sau này khi nghiên cứu dòng họ.
- (2) Nguyễn Kim Thản: *Vài nhận xét về tên người Việt Nam*. TC Dân tộc học. Số 4-1975, tr.68-80; Lê Trung Hoa: *Họ và tên người Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. H.1992, tr:25.

- (3) GS. Phan Văn Các: *Nghiên cứu các dòng họ - cơ sở khoa học và phương hướng giải quyết các vấn đề đặt ra. Cội nguồn*. Tập I Hà Nội, 1996, tr.23-30. Tác giả xin cảm ơn giáo sư Các, thống nhất quan điểm với tác giả và cho tác giả hiểu rõ hơn tình hình ở Trung Hoa.
- (4) Người Thái cũng có thuật ngữ xính bắt nguồn từ tính để chỉ họ.
- (5) Có nhiều tác giả cho ở người Việt không có họ kép. Điều này cần bàn. Có thể từ một họ như họ Lê (sau đến đời Hậu Lê) chuyển thành Lê Duy, bên cạnh vẫn tồn tại họ Lê khác; hay vì đổi họ lấy tên một họ khác, hoặc để khu biệt với những họ cùng tên, nên đặt một tên họ + một bổ ngữ từ nhất định như Nguyễn Duy, Nguyễn Cảnh, Đặng Vũ, Đặng Trần; Ngô Thì, Ngô Vi; Phan Huy, Phan Trọng; Nghiêm và Nghiêm Xuân... Có điều các họ kép có khi không bền vững. Nhưng trên thực tế, người dân phân biệt khá rõ ràng và chú ý giữ một họ tên kép. Bản thân tác giả thiên về khả năng là có vì kết cấu cũng không hẳn phải cứ quan niệm như kiểu người Hán: Tư Mã, Công Tôn, Âu Dương, Đông Quách, Đông Môn, v.v... Cũng như, nếu dưới góc độ khoa học mà xét, người Hán xưng hô theo họ như Quách tiên sinh để chỉ Quách Mạt Nhược, Lục Giáo Thụ để chỉ Lục Mã Quang... còn người Việt xưng hô theo tên khi gọi bác sĩ Ngũ chứ không gọi bác sĩ Đặng (Đặng Văn Ngũ); đồng chí Minh chứ không gọi đồng chí Phạm (Phạm Văn Minh). Mỗi dân tộc hay tộc người có kiểu gọi riêng không nên áp đặt, mà cần tôn trọng. Ví dụ người Môn-Khơme gọi cả bổ ngữ từ chỉ nam hay nữ cùng tên như A Sầu. Y Một, giống như người Êđê thuộc ngôn ngữ Malayô-Pôlinêdiêng Y Ngôn, H'Bia. Khi tôn trọng Y Ngôn Niê Kdăm... Như vậy, rõ ràng người Việt có họ kép tuy không bền chặt, kết cấu có khác. Trên thực tế là vậy, tốt nhất nhà khoa học nên từ đó mà tìm hiểu để giải thích nhằm tìm thấy bản chất của nó.
- (6) Theo tộc phả, do có tội, nhà vua buộc phải đổi họ. Theo truyền thuyết, do tiếm ngôi nhà Lý, để tránh hậu họa chu di tam tộc, Trần Thủ Độ chủ trương từng đời, cho một gia đình chuyển đổi họ và đưa ra ở ngoài kinh thành. ý kiến này phổ biến trong các cụ, nhưng khó xác minh. Về sau, trong gia phả vẫn ghi là gốc từ họ Trần.
- (7) Quốc triều hình luật. Viện sử học Việt Nam. Nxb. Pháp Lý, Hà Nội 1991, tr.47.
- (1) Một điều cũng cần suy xét, một số gia phả thường có một đoạn ban đầu hoang truyền, thần hoặc lại cho ông tổ đầu tiên là người ở phía nam Trung Quốc sang lập nên họ. Tiếp đó sự kiện trong gia phả mới sáng tỏ dần, nhưng cũng vẫn hay "khen", "tô hồng", pha lẫn những truyền thuyết khó tin cậy. Nên gia phả chỉ có thể coi là tư liệu tham khảo cho sử học, nhưng lại củng cố cho tinh thần con cháu về những trang đáng để tự hào về dòng họ. Hư hư thực thực lại có ý nghĩa nhất định.
- (9) Vị trí của bà cô hay bà tổ cô rất lớn thường được đặt thờ ở ban thờ nhỏ cạnh ban thờ chính. Có thể có hai lí do: 1 - Vì bà lúc sống trắc trở, không có chồng hay lấy chồng bị phụ bạc, hay mất sớm thủ tiết thờ chồng, ở vậy, có công với con cháu, con cháu đời đời thờ cúng. Đó là vì kính, vì ân. 2 - Vì lúc bà mất, thiêng, lại không người thờ cúng sợ mang hại hay làm hại con cháu, nên cúng. Hai lí do đều đúng cả, tùy từng trường hợp mà phân xét. Cầu cúng là mong ân, tránh họa.
- (10) Thông thường có phân biệt họ ngoại bậc mẹ, bậc bà..., tức thế hệ +1, +2... so với ego
- (11) Khi chưa có con, người ta thường gọi tên một cá nhân nhất định. Nhưng khi đã có con, một cá nhân được gọi là bố thằng... hay bố con... Do vậy, khi chưa có con, ta thấy còn có phân biệt nhà bên ngoại và nhà bên vợ. Nhưng khi đã có con, thời ta thấy có sự đồng nhất về nhà ngoại tức là có thể hiểu về nhà bố mẹ vợ hay về nhà bố mẹ của mình.
- (12) Tất nhiên còn quan hệ về nhiều phương diện khác, nhưng điều cụ thể và quan trọng là ở quy chế tang tế.
- (13) L.Cadière: Sdd, Tập I, tr.35-36.
- (14) *Quốc triều hình luật*: Sdd, tr.28. Sẽ trình bày rõ ràng ở các chương sau.
- (15) Túy Lang Nguyễn Văn Toàn: *Thọ mai gia lễ dẫn giải*. Sài Gòn, 1972, tr.113.
- (16) Ở nhiều nước, con cô, con cậu đã được lấy nhau, vì thực ra chồng cô, vợ cậu đã không nằm trong phạm vi ba họ.